

PHỤ LỤC 01
Bảng tổng hợp trạng thái kỹ thuật công trình đường sắt
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Đường chính tuyến:

1. Tuyến đường sắt:
2. Khổ đường:
3. Lý trình đầu:.....; lý trình cuối:.....; chiều dài
4. Tổng chiều dài cầu:.....; trong đó: cầu bê tông, cầu thép.
5. Tổng chiều dài hầm:
6. Số lượng ghi trên chính tuyến: ...bộ; tổng chiều dài... m.
7. Khối lượng đường chính:
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
-
8. Trạng thái kỹ thuật đường chính tuyến theo bảng sau:

TT	Lý trình		Chiều dài, km	Nền đường	Nền đá	Ray		Tà vẹt		Phụ kiện	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Đầu	Cuối				Loại	Dài	Loại	Kiểu					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

- (1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;
- (2) Lý trình đầu của đoạn trên;
- (3) Lý trình cuối của đoạn trên;
- (4) Chiều dài của đoạn;

- (5) *Nền đường đào, đắp hay không đào, không đắp;*
- (6) *Chiều dày nền đá;*
- (7) *Loại ray hiện tại (P50, P43, P38);*
- (8) *Chiều dài của mỗi thanh ray, m;*
- (9) *Loại tà vẹt (sắt, gỗ, bê tông, bê tông dự ứng lực);*
- (10) *Kiểu tà vẹt theo từng loại;*
- (11) *Loại phụ kiện liên kết;*
- (12) *Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;*
- (13) *Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra đường;*
- (14) *Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kiến trúc tầng trên (tầng cầu ray; tầng thanh tà vẹt + phụ kiện; kích thước (chiều rộng mặt nền đá, chiều rộng chân nền đá, chiều dày nền đá), chất lượng nền đá balat); loại nền đường, chất lượng nền đường và các kích thước chủ yếu theo từng đoạn cụ thể; tình trạng sạt, lở, phụt bùn, túi đá.... và tình trạng ổn định của nền đường; loại hình và vật liệu, chất lượng kết cấu gia cố nền đường; hệ thống thoát nước nền đường tại thời điểm kiểm tra.*
- (15) *Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng các hạng mục tại mục (14) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.*

II. Đường ga:

1. Tuyến đường sắt:

2. Khổ đường:.....

3. Khối lượng đường ga:

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)

....

4. Trạng thái kỹ thuật đường ga (không kể đường chính tuyến qua ga) theo bảng sau:

TT	Ga		Tên đường	Chiều dài, m			Ray		Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình		Toàn bộ	Đặt ray	Sử dụng	Loại	Dài						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của ga;

(3) Lý trình của ga;

(4) Tên các đường trong ga;

(5) Chiều dài toàn bộ của từng đường, tính từ tim ghi bên này đến tim ghi bên kia;

(6) Chiều đặt ray của từng đường, không kể chiều dài ghi;

(7) Chiều dài sử dụng của từng đường, tính từ mốc xung đột bên này đến mốc xung đột bên kia;

(8) Loại ray sử dụng (P50, P43, P38);

(9) Chiều dài của mỗi thanh ray, m;

(10) Loại tà vẹt (sắt, gỗ, bê tông, bê tông dự ứng lực);

(11) Loại phụ kiện liên kết;

(12) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(13) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra đường;

(14) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kiến trúc tầng trên (tầng cầu ray; tầng thanh tà vẹt + phụ kiện; kích thước (chiều rộng mặt nền đá, chiều rộng chân nền đá, chiều dày nền đá), chất lượng nền đá balat); loại nền đường, chất lượng nền đường và các kích thước chủ yếu theo từng đoạn cụ thể; tình trạng sạt, lở, phụt bùn, túi đá... và tình trạng ổn định của nền đường; loại hình và vật liệu, chất lượng kết cấu gia cố nền đường; hệ thống thoát nước nền đường tại thời điểm kiểm tra.

(15) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng các hạng mục tại mục (14) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

III. Ghi:

1. Tuyến (đoạn tuyến) đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng ghi:

- Loại ghi... số lượng ... (bộ)

- Loại ghi... số lượng ... (bộ)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng bộ ghi trong các ga theo bảng sau:

TT	Tên ga	Tên ghi	Lý trình	Trên đường	Các yếu tố kỹ thuật của ghi						Nước sản xuất	Thời gian lắp đặt vào đường	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
					Tang ghi	Loại ray	Chiều dài	Loại tâm	Hướng rẽ	Góc rẽ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của ga;

(3) Tên từng bộ ghi trong ga;

(4) Lý trình tìm từng bộ ghi trong ga;

(5) Vị trí của bộ ghi trên các đường trong ga;

(6) Số hiệu của từng bộ ghi, tính bằng tang của góc rẽ (1/9, 1/10...);

(7) Loại ray sử dụng của từng bộ ghi (P43, P38...);

(8) Chiều dài của từng bộ ghi, m;

(9) Loại tâm của từng bộ ghi (đúc hay ghép);

(10) Hướng rẽ của ghi (phải, trái);

(11) Góc rẽ của ghi (bao nhiêu độ);

(12) Ghi sản xuất tại nước nào;

(13) Ghi rõ thời gian: Tháng, năm lắp đặt vào đường;

(14) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra ghi;

(15) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của tổng thể bộ ghi; các cấu kiện của bộ ghi: Lưỡi ghi, tâm ghi, tà vẹt ghi, ray ghi, phụ kiện liên kết ghi; thiết bị khống chế ghi tại thời điểm kiểm tra.

(16) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các hạng mục tại mục (15) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

IV. Cầu:

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng cầu:

- Loại cầu... khối lượng ... (m)

- Loại cầu... khối lượng ... (m)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng cầu theo bảng sau:

TT	Tên cầu	Lý trình	Chiều dài cầu, m	Số nhịp	Chiều dài dầm, m	Loại dầm	Mặt cầu	Mố/trụ	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các cầu theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của cầu;

(3) Lý trình của cầu;

(4) Chiều dài cầu, tính từ đuôi mố bên này đến đuôi mố bên kia, m;

(5) Số lượng nhịp của cầu;

(6) Chiều dài các dầm từ 1 đến hết; m;

(7) Ghi rõ thép, bê tông, bê tông cốt thép, liên hợp...;

(8) Loại mặt cầu (trần, máng ba lát, chạy trực tiếp...);

(9) Kiểu mố, trụ, vật liệu xây dựng;

(10) Tải trọng thiết kế của mố cầu, trụ cầu, dầm cầu (T14, T22...);

(11) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(12) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(13) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra cầu;

(14) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu cầu, tình trạng xói lở móng, trụ cầu, các hư hỏng kết cấu cầu.... tại thời điểm kiểm tra.

(15) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu cầu, tình trạng xói lở móng, trụ cầu, các hư hỏng kết cấu cầu kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

V. Cống:

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng cống:

- Loại cống... khối lượng ... (m)

- Loại cống... khối lượng ... (m)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng cống theo bảng sau:

TT	Lý trình	Hình dạng	Khẩu độ	Chiều dài cống, m	Chiều dài thân cống, m	Vật liệu	Chiều cao đất đắp, m	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các cống theo hướng lý trình tiến;

(2) Lý trình của cống;

(3) Hình dạng mặt cắt ngang (vòm, tròn, vuông...);

(4) Khẩu độ thoát nước của cống (m);

(5) Chiều dài cống, tính cả cửa cống, m;

(6) Chiều dài thân cống, m;

(7) Vật liệu xây dựng cống;

(8) Chiều cao đất đắp trên cống, m;

(9) Tải trọng thiết kế cống (T14, T22,...);

(10) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(12) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra cống;

(13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của ống cống, tường đầu cống, sân cống; tình trạng thoát nước của cống tại thời điểm kiểm tra;

(14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng cống tại mục (13) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

VI. Hầm:

1. Tuyến đường sắt:

2. Khổ đường:

3. Khối lượng hầm:

- Loại hầm... khối lượng ... (m)

- Loại hầm... khối lượng ... (m)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng hầm theo bảng sau:

TT	Tên hầm	Lý trình	Chiều dài	Bán kính cong	Độ dốc	Hướng rẽ	Vật liệu		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
							Tường	Vòm					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ghi chú:

(1) Thứ tự hầm theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của hầm;

(3) Lý trình của hầm;

(4) Chiều dài hầm, tính từ cửa hầm bên này đến cửa hầm bên kia, m;

(5) Bán kính đường cong trong hầm, m;

(6) Độ dốc đường trong hầm (%);

(7) Hướng rẽ đường trong hầm (phải hay trái);

(8) Vật liệu tường hầm;

(9) Vật liệu vòm hầm;

(10) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(12) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra hầm;

(13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu hầm, tình trạng nứt vỡ, dột, phong hóa của vỏ hầm, các hư hỏng kết cấu hầm, hệ thống thoát nước trong hầm....;

(14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu hầm, tình trạng nứt vỡ, dột, phong hóa của vỏ hầm, các hư hỏng kết cấu hầm, hệ thống thoát nước trong hầm kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

VII. Nhà ga, kho ga:

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khối lượng nhà ga, kho ga:

- Loại công trình... khối lượng ... (100m²)- Loại công trình... khối lượng ... (100m²)

....

3. Trạng thái kỹ thuật của từng hạng Mục công trình theo bảng sau:

TT	Ga		Nhà ga		Kho ga		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Hệ thống PCCC	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình	Diện tích	Cấp	Diện tích	Cấp						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của ga;

(3) Lý trình của ga;

(4) Diện tích xây dựng nhà ga, m²;

(5) Cấp công trình nhà ga theo phân cấp;

(6) Diện tích xây dựng kho ga, m²;

(7) Cấp công trình kho ga theo phân cấp;

(8) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(9) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(10) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra hàm;

(11) Thống kê đầy đủ số lượng, chất lượng hệ thống PCCC tại nhà ga, kho ga;

(12) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu chịu lực và kết cấu khác của nhà ga, kho ga.... tại thời điểm kiểm tra;

(13) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu nhà ga, kho ga kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

VIII. Ke ga, bãi hàng:

1. Tuyến đường sắt:
2. Khối lượng ke ga, bãi hàng:
 - Loại công trình... khối lượng ... (100m²)
 - Loại công trình... khối lượng ... (100m²)
3. Trạng thái kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo bảng sau:

TT	Ga		Ke ga		Bãi hàng		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình	Diện tích	Vật liệu	Diện tích	Vật liệu					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ghi chú:

- (1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của ga;
- (3) Lý trình của ga;
- (4), (6) Diện tích xây dựng, m²;
- (5), (7) Vật liệu xây dựng;
- (8) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;
- (9) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (10) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;
- (11) Ghi rõ cụ thể chất lượng của ke ga, bãi hàng.... tại thời điểm kiểm tra;
- (12) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu của ke ga, bãi hàng kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình;

IX. Đường ngang:

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Số lượng đường ngang:

- Loại hình phòng vệ biển báo ...

- Loại hình phòng vệ cảnh báo tự động ...

- Loại hình phòng vệ có người gác ...

3. Trạng thái kỹ thuật của từng đường ngang theo bảng sau:

TT	Tên ĐN	Lý trình	Cấp	Tầm nhìn	Phòng vệ	Diện tích nhà gác	Góc giao	Đường bộ			Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi c
								Loại	Rộng/ kết cấu	Độ dốc					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đường ngang theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của đường ngang;

(3) Lý trình của đường ngang;

(4) Cấp đường ngang theo quy định;

(5) Tầm nhìn cho phương tiện giao thông đường sắt, đường bộ (về các phía);

(6) Loại hình phòng vệ (có người gác, cảnh báo tự động...);

(7) Diện tích xây dựng, m² của nhà gác đường ngang;

(8) Góc giao giữa đường sắt và đường bộ;

(9) Loại đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện,...);

(10) Chiều rộng và kết cấu mặt đường bộ;

(11) Độ dốc đường bộ hai bên đường ngang (%);

(12) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(13) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(14) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(15) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của đường ngang: Sự đầy đủ và hoạt động của hệ thống thiết bị phòng vệ đường ngang (cản chắn, giàn chắn; cọc tiêu, hàng rào cố định; vạch kẻ đường; hệ thống biển báo đường sắt, đường bộ; đèn tín hiệu, chuông điện hoặc loa phát âm thanh; tín hiệu ngăn đường phía đường sắt; các thiết bị khác (nếu có)); chất lượng công trình đường sắt, đường bộ tại đường ngang; nhà gác đường ngang; chiếu sáng tại đường ngang; hệ thống thoát nước tại đường ngang tại thời điểm kiểm tra;

(16) Mục này phải căn cứ quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (15) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

X. Đường truyền tải

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng đường truyền tải:

2.1. Đường dây trần:

- Loại 2 xà, 8 đôi dây ... (Km/trục)

- Loại ... xà, ... đôi dây ... (Km/trục)

- Loại ... xà, ... đôi dây ... (Km/trục)

2.2. Cáp thông tin:

- Loại đi treo: ... km

- Loại đi chôn: ... km

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Đoạn		Loại cột	Loại xà	Số đôi dây	Các loại cáp			Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Từ	Đến				Trần (km/đôi)	Quang (km.sợi)	Khác (km.sợi)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Số thứ tự cột trước đối với cáp treo; lý trình km đường sắt đối với cáp ngầm;

(3) Số thứ tự cột sau; lý trình km đường sắt đối với cáp đi chôn;

(4) Số lượng, loại cột;

(5) Số lượng, loại xà trên cột;

(6) Số đôi dây trên cột;

(7), (8), (9) Số lượng, chiều dài các loại cáp trên cột, cáp thông tin ngầm;

(10) Năm hoàn thành xây dựng (lắp đặt), đưa vào khai thác;

(11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(12) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của đường truyền tải: Chất lượng đường cột, xà, sứ, dây co, phụ kiện; chất lượng cáp và độ suy hao truyền dẫn tại thời điểm kiểm tra;

(14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (13) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

XI. Trạm tổng đài

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng trạm tổng đài:

- Loại ... , số lượng ...

- Loại ... , số lượng ...

- Loại ... , số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt tại ga, trung tâm	Loại trạm	Số lượng	Hệ số tính đối	Khối lượng tính đối	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trung tâm lắp đặt, vị trí lắp đặt trạm tổng đài;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng thiết bị trạm;

(5) Ghi rõ hệ số tính đối thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị trạm tổng đài theo đúng số lượng và hệ số tính đối;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của trạm tổng đài: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng trạm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các mức độ cảnh báo của thiết bị tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

XII. Tín hiệu ra, vào ga, đường ngang

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng tín hiệu ra, vào ga, đường ngang:

- Tín hiệu vào ga, loại..., số lượng ...

- Tín hiệu ra ga, loại..., số lượng ...

- Tín hiệu báo trước, loại..., số lượng ...

- Tín hiệu đường ngang, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt tại ga, đường ngang	Loại tín hiệu	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, đường ngang lắp đặt, vị trí lắp tín hiệu;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của tín hiệu: Tâm nhìn, chất lượng cột, cơ cấu biểu thị, phụ kiện lắp đặt... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

XIII. Thiết bị không chế

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng thiết bị không chế:

- Thiết bị không chế, loại..., số lượng ...

- Thiết bị không chế, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, khu gian... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị không chế;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tính hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

XIV. Thiết bị điều khiển

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng thiết bị điều khiển:

- Thiết bị điều khiển, loại..., số lượng ...

- Thiết bị điều khiển, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị điều khiển;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt, mức độ cảnh báo... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

XV. Cấp tín hiệu

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng cấp tín hiệu:

- Cấp tín hiệu, loại..., số lượng ...

- Cấp tín hiệu, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Chủng loại cáp	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp cáp;

(3), (4) Ghi rõ chủng chủng loại cáp, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Độ ổn định vị trí đặt cáp, phụ kiện lắp đặt cáp, độ suy hao truyền dẫn cáp... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn đường cáp tín hiệu.

XVI. Thiết bị nguồn

1. Tuyến đường sắt:

2. Khối lượng thiết bị nguồn:

- Thiết bị nguồn, loại..., số lượng ...

- Thiết bị nguồn, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Chủng loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị nguồn;

(3), (4) Ghi rõ chủng chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tính hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

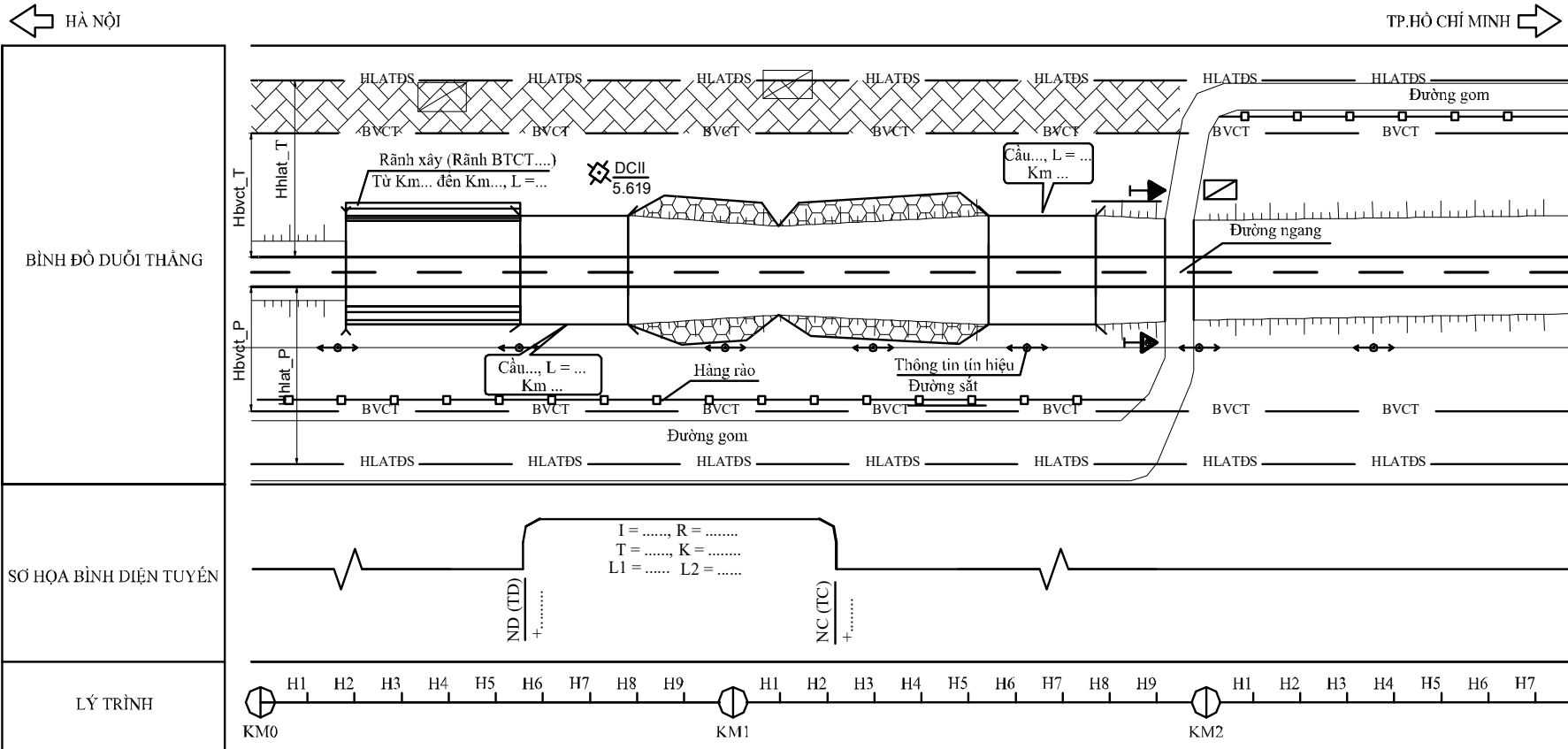
(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt, biên độ dao động nguồn... tại thời điểm kiểm tra;


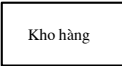


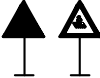

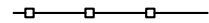
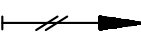

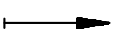
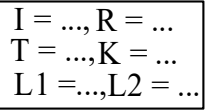

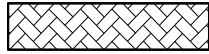


(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn nguồn điện.

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu số 01: Bình đồ duỗi thẳng theo từng tuyến, đoạn tuyến đường sắt, đoạn tuyến đường bộ tỷ lệ 1/500



KÍ HIỆU:					
	Tìm Đường sắt		Kho hàng		Đèn chiếu sáng
	Cống thoát nước		Biển báo		Cột Thông tin tín hiệu Đường sắt
	Hàng rào		Rãnh bê tông cốt thép		Ôp mái taluy
+ Hhlat_T, P	K/c đến HLATĐS bên trái, phải		Rãnh đất		Các yếu tố đường cong Đường sắt
+ Hbvct_T, P	K/c đến PVBVCT bên trái, phải		Nhà gác Ghi		
	Đất đường sắt bị lấn chiếm		Cột hiệu vào Ga		
	Ke ga, bãi hàng BTXM				

Ghi chú:

- Bình đồ duỗi thẳng theo tuyến, đoạn tuyến đường sắt (phạm vi quản lý của các Công ty cổ phần đường sắt quản lý, Tỷ lệ 1/500) thể hiện đầy đủ các yếu tố: Tên tuyến, đoạn tuyến đường sắt, địa danh (tỉnh, huyện); lý trình điểm đầu, điểm cuối của bình đồ; các yếu tố bình diện của đường sắt; địa hình, địa vật, các công trình đường sắt, các công trình xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt; vị trí các mốc chỉ giới của đường sắt; phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; phạm vi, quy mô các công trình đang lấn chiếm, vi phạm phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

- Bình đồ duỗi thẳng theo tuyến, đoạn tuyến đường sắt phải được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự thay đổi, biến động về các yếu tố có liên quan.

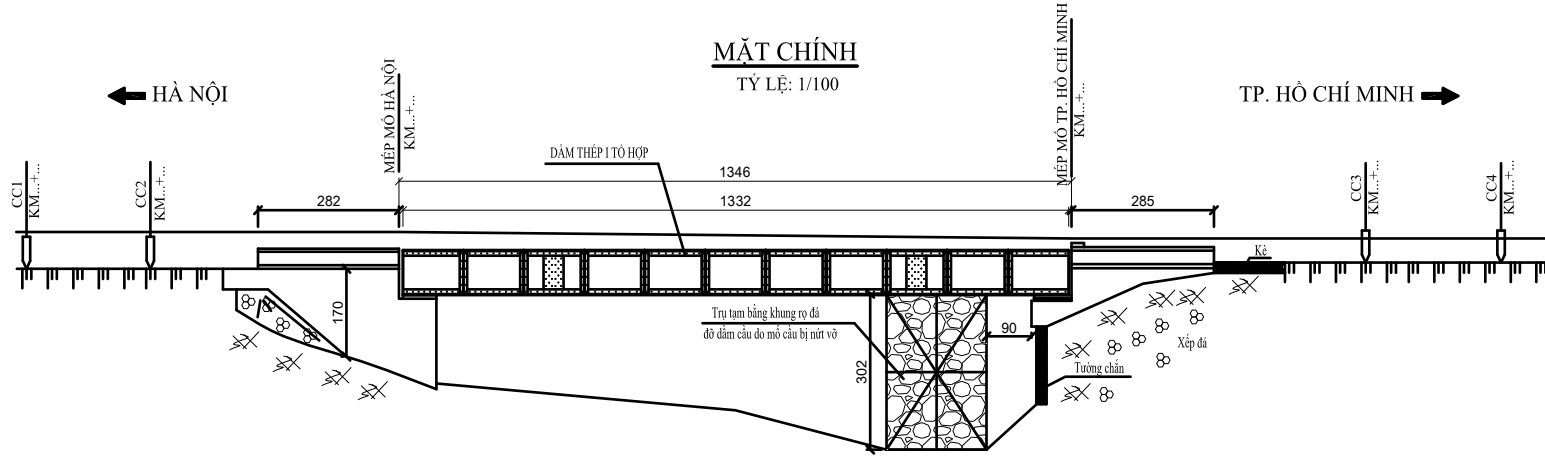
- Các kí hiệu địa hình, địa vật thể hiện trên mặt bằng ga theo đúng quy định về bản đồ và kí hiệu bản đồ.

2. Mẫu số 02: Sơ đồ cột đối với công trình thông tin tín hiệu đường sắt

Ghi chú:

- Mặt bằng bố trí chung ga, đề pô, trạm (Tỷ lệ 1/500). Trên mặt bằng thể hiện đầy đủ: Tên ga, đề pô, trạm kèm theo lý trình, địa danh (tỉnh, huyện, xã); đường chính, đường ga và khoảng cách các đường; các công trình xây dựng chui qua, vượt qua kèm theo tình hình không hiện tại; địa hình, địa vật, các công trình phụ trợ có liên quan; ranh giới đất khu ga, đề pô, trạm đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất (đối với các khu đất đã được cấp có thẩm quyền cấp đất); phạm vi ga, đề pô, trạm theo quy định của Luật đường sắt năm 2017 (đối với các khu đất chưa được cấp có thẩm quyền cấp đất); các biểu thống kê: Ghi, kiến trúc tầng trên, đường cong, chiều dài đường ga, chiều dài sử dụng các đường ga theo biểu mẫu; phạm vi, quy mô các công trình đang lấn chiếm đất tại các khu ga, đề pô, trạm hiện nay.
- Mặt bằng Ga phải được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự thay đổi, biến động về các yếu tố có liên quan.
- Các kí hiệu địa hình, địa vật thể hiện trên mặt bằng ga theo đúng quy định về bản đồ và kí hiệu bản đồ.

4. Mẫu số 04: Mặt bằng bố trí chung đối với công trình cầu, hầm

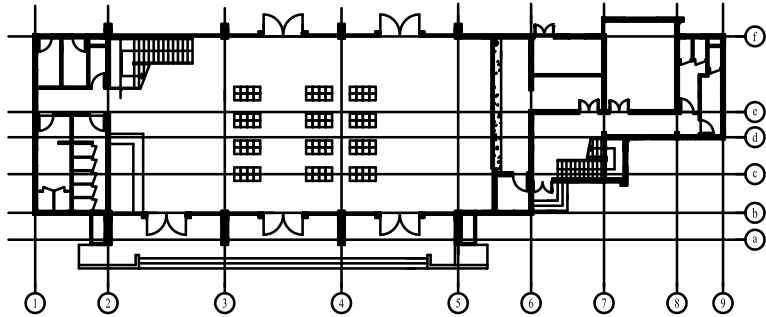


Ghi chú:

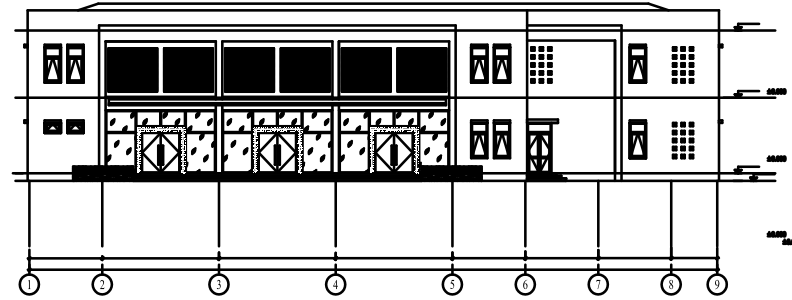
- Mặt bằng bố trí chung đối với công trình cầu, hầm: Thể hiện tên cầu, hầm kèm theo lý trình tìm công trình, cửa hầm, mép móng; các yếu tố đường cong bình diện chiều dài công trình, địa danh (tỉnh, huyện, xã); địa hình, địa vật, công trình phụ trợ có liên quan; phạm vi, quy mô các công trình đang lấn chiếm trong phạm vi bảo vệ công trình hiện nay; Trường hợp cầu đường sắt vượt đường bộ, tùy theo điều kiện thực tế để lập bản vẽ phục vụ quản lý trên nguyên tắc đáp ứng được các quy định của Thông tư này.
- Mặt bằng bố trí chung đối với công trình cầu, hầm phải được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự thay đổi, biến động về các yếu tố có liên quan.
- Thể hiện chi tiết chất lượng của kết cấu cầu, tình trạng xói lở móng, trụ cầu, các hư hỏng kết cấu cầu. Riêng tình trạng xói lở móng, trụ cầu phải nêu rõ: Vị trí, biện pháp và vật liệu gia cố; chiều rộng, chiều dài, độ sâu xói lở.
- Số lượng, chất lượng của hạng mục phụ trợ cầu: Trụ chống va xô; kè hướng dòng thượng, hạ lưu;
- Mực nước cao nhất và tình không thông thuyền đối với cầu đường sắt có giao thông đường thủy phía dưới;
- Tình không, biện pháp đảm bảo an toàn đối với cầu đường sắt vượt đường bộ.

5. Mẫu số 05: Mặt bằng bố trí thiết bị đối với công trình thông tin tín hiệu

6. Mẫu số 06: Mặt bằng, mặt đứng đối với công trình kiến trúc (mặt bằng, mặt đứng tỷ lệ 1/100; mặt cắt tỷ lệ 1/50)



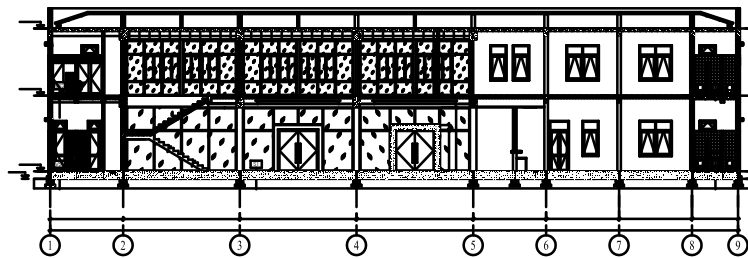
MẶT BẰNG



MẶT ĐỨNG

GHI CHÚ

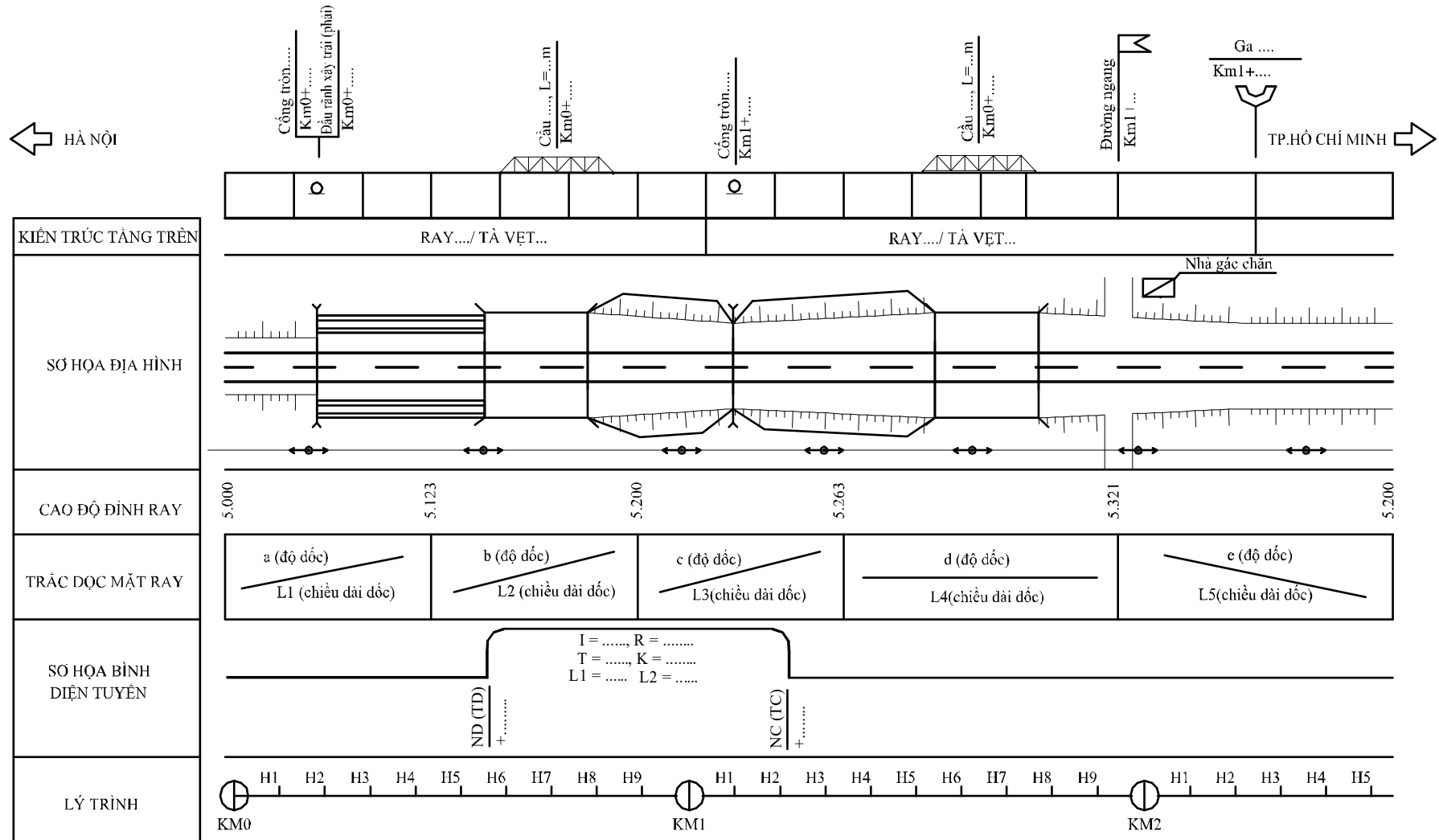
- (1) MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG CÔNG TRÌNH (TỶ LỆ: 1/100);
MẶT CẮT CÔNG TRÌNH (TỶ LỆ: 1/50);
- (2) TRÊN BẢN VẼ MẶT CẮT CÔNG TRÌNH PHẢI GHI CHÚ
ĐẦY ĐỦ CÁC THÔNG TIN NHƯ: CAO ĐỘ SÀN, CAO ĐỘ MÁI, CHIỀU CAO TÀNG,
THÔNG TIN KẾT CẤU CHỊU LỰC CHÍNH (MÓNG, TƯỜNG, DÀM, SÀN, MÁI);
- (3) TRÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH PHẢI THỂ HIỆN RÕ CÔNG NĂNG,
DIỆN TÍCH TỪNG PHÒNG, CHIỀU CAO, KÍCH THƯỚC TIẾT DIỆN CỘT
- (4) KHI CẢI TẠO, SỬA CHỮA PHẢI CẬP NHẬT LẠI HỒ SƠ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH.



MẶT CẮT

STT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH	GHI CHÚ
1	TÊN CÔNG TRÌNH, TUYẾN ĐƯỜNG SẮT	
2	ĐỊA ĐIỂM	
3	NĂM XÂY DỰNG	
4	NĂM SỬA CHỮA GẦN NHẤT	
5	CẤP CÔNG TRÌNH	

7. Mẫu số 07: Trắc dọc rút gọn theo từng tuyến, đoạn tuyến đường sắt, đường bộ

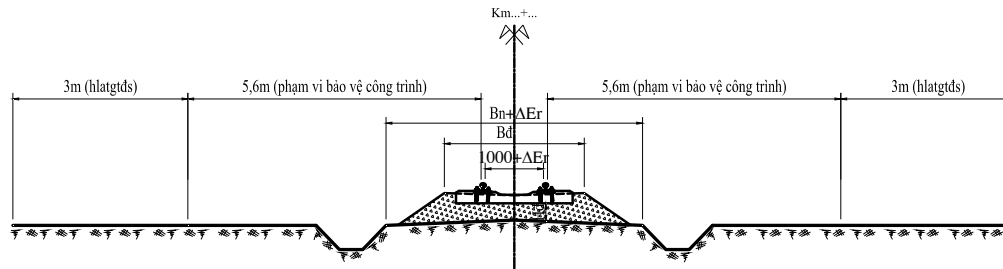


Ghi chú:

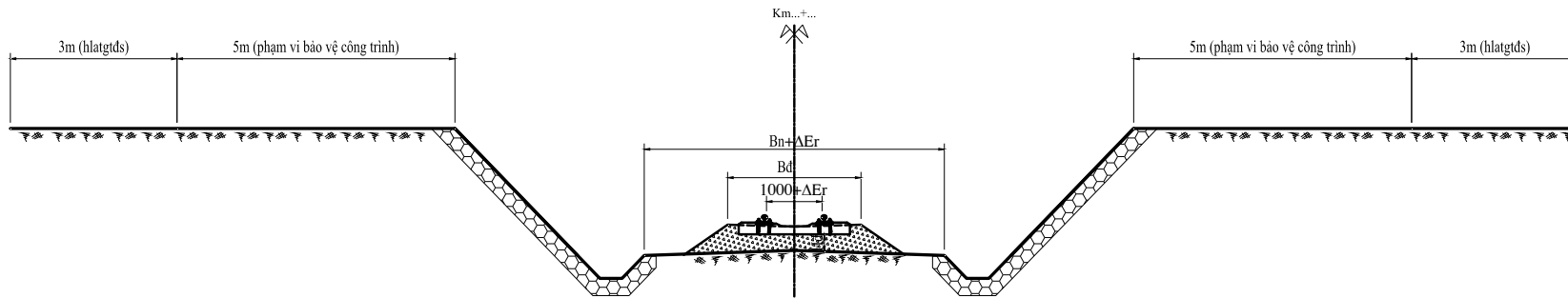
- Trắc dọc rút gọn theo tuyến, đoạn tuyến đường sắt (phạm vi quản lý của các Công ty cổ phần đường sắt quản lý).
- Trắc dọc rút gọn tuyến, đoạn tuyến đường sắt (Tỷ lệ cao 1/200, dài 1/1000). Trên trắc dọc thể hiện đầy đủ các yếu tố: Bình diện đường sắt; độ dốc và chiều dài dốc; loại kiến trúc tầng trên đường sắt; các công trình phụ trợ có liên quan.
- Trắc dọc đoạn tuyến đường sắt phải được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự thay đổi, biến động về các yếu tố có liên quan.

8. Mẫu số 08: Mặt cắt ngang đại diện nền đường

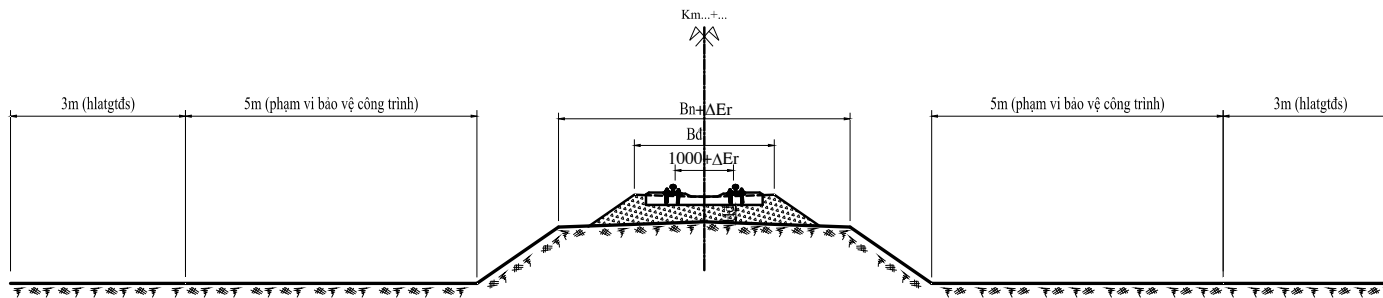
NỀN ĐƯỜNG KHÔNG ĐÀO, KHÔNG ĐẬP (đường sắt khổ 1000mm)
(tỷ lệ 1/200)



NỀN ĐƯỜNG ĐÀO (đường sắt khổ 1000mm)
(tỷ lệ 1/200)



NỀN ĐƯỜNG ĐẬP (đường sắt khổ 1000mm)
(tỷ lệ 1/200)



Ghi chú:

- Mặt cắt ngang đại diện nền đường được thể hiện ra ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt mỗi phía tối thiểu 10m tại những vị trí đặc biệt như: Nền đường đào sâu, đắp cao; vị trí nền đường không ổn định, sạt lở; vị trí nền đường có hiện tượng phụt bùn, túi đá, vị trí nền đường đang được gia cố; mặt cắt ngang nền đường đại diện cho từng ki-lô-mét: Nền đường đắp, nền đường đào, nền đường không đào không đắp, nền đường nửa đào nửa đắp; mặt cắt ngang đại diện của hầm tại những vị trí không đủ khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc theo quy định; mặt cắt ngang đại diện của cầu.

- Trên các mặt cắt ngang thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt theo quy định. Tỷ lệ mặt cắt ngang 1/200.

PHỤ LỤC 03:**Hồ sơ quản lý chất lượng sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Hồ sơ hồ sơ quản lý chất lượng sửa chữa công trình từ 500 triệu đồng trở xuống gồm:

1. Bản vẽ hoàn công.
2. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng sửa chữa công trình.
3. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.
4. Quy trình bảo trì công trình, thiết bị (nếu có).
5. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình sửa chữa công trình.
6. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
7. Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.
8. Biên bản nghiệm thu hoàn thành sửa chữa công trình xây dựng đưa vào sử dụng.
9. Các tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng tùy theo quy mô, tính chất của công trình.

PHỤ LỤC 04

Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng công trình
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Căn cứ thực hiện bảo dưỡng công trình:

1. Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:
 - Quyết định phê duyệt số ... /QĐ-BGTVT ngày ... /../.. của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.
 - Quyết định số ... /QĐ-BGTVT ngày ... /../.. của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.
 - Hồ sơ kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được phê duyệt.
2. Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt
 - Quyết định số ... /QĐ-BGTVT ngày ... /../.. của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án giá dịch vụ sự nghiệp công thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt.
 - Quyết định số ... /QĐ-BGTVT ngày ... /../.. của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá dịch vụ sự nghiệp công thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt.
 - Hồ sơ phương án giá dịch vụ sự nghiệp công thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt.
3. Hợp đồng đặt hàng
 - Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Đường sắt Việt Nam và Công ty ... về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt.
 - Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Đường sắt Việt Nam và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt.
4. Phương án tác nghiệp kỹ thuật
 - Văn bản số ... /... ngày ... /../.. của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc chấp thuận phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình đường sắt.
 - Phương án tác nghiệp kỹ thuật.

II. Khối lượng thực hiện

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)
1							
2							
3							
4							

III. Chất lượng thực hiện

1. Báo cáo chất lượng của nhà thầu bảo dưỡng công trình:

.....
.....

2. Báo cáo giám sát bảo dưỡng công trình của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

.....
.....

3. Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình trong quá trình bảo dưỡng công trình đường sắt kèm theo các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa;

.....
.....

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

4. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

5. Các biên bản nghiệm thu chất lượng bảo dưỡng công trình.

6. Sổ nhật ký bảo dưỡng công trình; sổ nhật ký giám sát bảo dưỡng công trình.

IV. Các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện bảo dưỡng công trình

1. Cục Đường sắt Việt Nam

.....
.....

2. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

.....
.....

3. Nhà thầu bảo dưỡng công trình

.....
.....

PHỤ LỤC 05

Sổ nhật ký bảo dưỡng công trình; sổ nhật ký giám sát bảo dưỡng công trình
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Quy định chung:

1. Sổ nhật ký phải được lập theo từng nhiệm vụ bảo dưỡng công trình theo kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được phê duyệt.

2. Sổ nhật ký phải được đóng thành tập có đánh số trang và đóng dấu giáp lai trước khi đưa vào ghi chép hàng ngày.

3. Cán bộ giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt và cán bộ phụ trách bảo dưỡng của nhà thầu phải ký tên sau khi ghi chép hàng ngày.

4. Trang đầu bìa nhật ký phải ghi đầy đủ thông tin sau:

a) Tập nhật ký số: ...

b) Tên nhiệm vụ bảo dưỡng

c) Địa điểm thực hiện

d) Tài liệu làm căn cứ thực hiện bảo dưỡng:

- Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được phê duyệt;

- Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt được phê duyệt;

- Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt;

- Phương án tác nghiệp bảo dưỡng công trình đường sắt được chấp thuận;

- Tên nhà thầu bảo dưỡng công trình

- Tên cán bộ giám sát bảo dưỡng công trình

- Thời gian thực hiện bảo dưỡng: Từ ngày... đến ngày...

II. Nội dung chính của nhật ký:

Ngày, tháng, năm	Nội dung ghi chép	Phản ghi của Cán bộ giám sát
.../.../...	1. Thời tiết: ...	
	2. Công việc 1: ...	Hàng ngày Cán bộ giám sát cần ghi ý kiến nhận xét về các công việc thực hiện của nhà thầu, hoặc các chỉ dẫn, yêu cầu nhà thầu cần thực hiện, vv...
	- Vị trí thực hiện: (ghi rõ lý trình, tuyến đường sắt...) - Số lượng máy thi công: ... - Nhân lực: ...	
	3. Công việc 2:...	
	4. Công việc 3:...	
	
	<i>(Các công việc 2, 3 ghi tương tự như công việc 1)</i>	

PHỤ LỤC 06**Bảng tổng hợp kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt***(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
A	NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT							
I	Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt							
1	Nhiệm vụ...							
2	Nhiệm vụ...							
...	...							
II	Quản lý công trình, hạng mục công trình, công trình phụ trợ khác							
1	Nhiệm vụ...							
2	Nhiệm vụ...							
...	...							
III	Quản lý phạm vi đất dành cho đường sắt							
1	Nhiệm vụ...							
2	Nhiệm vụ...							
...	...							
B	NHIỆM VỤ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT							
I	Nhiệm vụ tuàn, gác, trực giải quyết trở ngại							
1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
1.1	Tuàn đường							
1.2	Tuàn cầu, tuàn hầm, gác cầu, gác hầm							
1.3	Gác đường ngang							
1.4	Trực giải quyết trở ngại TTTH							

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
...	...							
2	Tuyến đường sắt...							
2.1	...							
2.2	...							
2.3	...							
2.4	...							
...	...							
II	Nhiệm vụ bảo dưỡng công trình							
	<i>Đối với công trình cầu, cống, hầm, đường sắt, nhà ga, kho ga, ke ga, bãi hàng, đường ngang</i>							
1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
1.1	Đường chính tuyến							
1.2	Đường ga							
1.3	Ghi							
1.4	Cầu các loại							
1.5	Cống							
1.6	Nhà ga, kho ga							
1.7	Ke ga, bãi hàng							
1.8	Điêm gác đường ngang							
2	Tuyến đường sắt ...							
2.1	...							
2.2	...							
2.3	...							
2.4	...							
...	...							
	<i>Đối với công trình TTTH, điện đường sắt</i>							
16	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
16.1	Đường truyền tải							
16.2	Trạm tổng đài							
16.3	Tín hiệu ra vào ga							
16.4	Thiết bị khống chế							
16.5	Thiết bị Điều khiển							
16.6	Cáp tín hiệu							
16.7	Thiết bị nguồn							
17	Tuyến đường sắt...							
17.1	...							
17.2	...							
17.3	...							
17.4	...							
...	...							
III	Nhiệm vụ sửa chữa công trình đường sắt							
1	Sửa chữa công trình < 500 triệu đồng							
1.1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
	Công trình..							
	Công trình..							
	...							
1.2	Tuyến đường sắt...							
	...							
2	Sửa chữa công trình ≥ 500 triệu đồng							
2.1	Tuyến đường sắt...							
2.1.1	Chuẩn bị dự án chuyển tiếp							
	Công trình..							
	Công trình..							
	...							
2.1.2	Chuẩn bị dự án mới							
	Công trình..							

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
	Công trình..							
	...							
2.1.3	Chuyển tiếp thực hiện dự án							
	Công trình..							
	Công trình..							
	...							
2.1.4	Thực hiện dự án mới							
	Công trình..							
	Công trình..							
	...							
2.1.5	Quyết toán dự án hoàn thành							
	Công trình..							
	Công trình..							
	...							
2.2	Tuyến đường sắt...							
...	...							
...	...							
...	...							
IV	Nhiệm vụ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt							
1	Công trình...							
2	...							
...	...							
V	Nhiệm vụ giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt							
1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
2	...							
...	...							
VI	Nhiệm vụ quản lý hợp đồng đặt hàng							

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
	(nếu có)							
1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
2	...							
...	...							
VII	Nhiệm vụ quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình							
1	Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh							
2	...							
...	...							
VIII	Nhiệm vụ khác							
1	Lập, điều chỉnh quy trình bảo trì...							
2	Lập, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì...							
...	...							

Ghi chú: Nhiệm vụ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt chưa có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt, sẽ được bổ sung vào kế hoạch trong quá trình thực hiện khi công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động thiên tai đột xuất khác ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành công trình.

PHỤ LỤC 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu số 01: Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT**

1. Đối tượng nghiệm thu: Nhiệm vụ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện cơ quan đặt hàng: Cục Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu:

- Kết thúc

- Tại:.....

4. Đánh giá nhiệm vụ đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường đường sắt được phê duyệt;

- Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được phê duyệt;

- Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý kết cấu hạ tầng đường đường sắt;

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công quản lý kết cấu hạ tầng đường đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Các tài liệu khác có liên quan...

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý kết cấu hạ tầng đường đường sắt:

- Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

.....

.....

- Quản lý công trình, hạng mục công trình, công trình phụ trợ khác:

.....
.....
- Quản lý phạm vi đất dành cho đường sắt:
.....
.....

- Lập, cung cấp, tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt:
.....
.....

- Thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng đường sắt:
.....
.....

(Đối chiếu với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và hợp đồng đặt hàng để nhận xét, đánh giá khối lượng, chất lượng, tiến độ của từng nhiệm vụ).

c) Các ý kiến khác (nếu có):
.....
.....
.....

5. Kết luận:

a) Chấp nhận nghiệm thu / không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ quản lý kết cấu hạ tầng đường đường sắt.
.....
.....

b) Yêu cầu bổ sung và các ý kiến khác nếu có:
.....
.....
.....

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu này.

(Chi tiết khối lượng hoàn thành tại Phụ lục kèm theo Biên bản nghiệm thu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẶT HÀNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN NHẬN ĐẶT HÀNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hồ sơ nghiệm thu gồm:

(1) Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có.

(2) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

2. Mẫu số 02: Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ bảo dưỡng công trình đường sắt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU NHIỆM VỤ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

1. Đối tượng nghiệm thu: Nhiệm vụ bảo dưỡng công trình đường sắt

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện cơ quan đặt hàng: Cục Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng: Công ty cổ phần đường sắt...

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt: Tổng công ty ĐSVN

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu:

- Kết thúc

- Tại:

4. Đánh giá nhiệm vụ đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường đường sắt được phê duyệt;

- Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt được phê duyệt;

- Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt;

- Phương án tác nghiệp bảo dưỡng công trình đường sắt được chấp thuận;

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt của Công ty cổ phần ...;

- Báo cáo kết quả giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Các tài liệu khác có liên quan...

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt:

(Đối chiếu với quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, Quy trình bảo trì và hợp đồng đặt hàng để nhận xét, đánh giá khối lượng, chất lượng, tiến độ của từng nhiệm vụ cụ thể).

c) Các ý kiến khác (nếu có):

.....

5. Kết luận:

a) Chấp nhận nghiệm thu / không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ bảo dưỡng công trình đường sắt.

.....

b) Yêu cầu bổ sung và các ý kiến khác nếu có:

.....

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu này.

(Chi tiết khối lượng hoàn thành tại Phụ lục kèm theo Biên bản nghiệm thu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẶT HÀNG
 BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN NHẬN ĐẶT
 HÀNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN GIÁM SÁT
 BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- (1) Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có.*
- (2) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.*

3. Mẫu số 03: Biên bản nghiệm thu công tác tuần, gác, trực giải quyết trở ngại

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
NHIỆM VỤ TUẦN, GÁC, TRỰC GIẢI QUYẾT TRỞ NGẠI

1. Đối tượng nghiệm thu: Nhiệm vụ tuần, gác, trực giải quyết trở ngại

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện cơ quan đặt hàng: Cục Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng: Công ty cổ phần đường sắt...

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt: Tổng công ty ĐSVN

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu:

- Kết thúc

- Tại:

4. Đánh giá nhiệm vụ đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường đường sắt được phê duyệt;

- Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công tuần, gác, trực giải quyết trở ngại được phê duyệt;

- Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tuần, gác, trực giải quyết trở ngại;

- Phương án thực hiện tuần, gác, trực giải quyết trở ngại được chấp thuận;

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tuần, gác, trực giải quyết trở ngại của Công ty cổ phần ...;

- Báo cáo kết quả giám sát tuần, gác, trực giải quyết trở ngại của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Các tài liệu khác có liên quan...

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo dưỡng công trình đường sắt:

(Đối chiếu với quy định của của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, Quy trình bảo trì và hợp đồng đặt hàng để nhận xét, đánh giá khối lượng, chất lượng, tiến độ của từng nhiệm vụ cụ thể).

c) Các ý kiến khác (nếu có):

.....

5. Kết luận:

a) Chấp nhận nghiệm thu / không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ tuần, gác, trực giải quyết trở ngại.

.....

b) Yêu cầu bổ sung và các ý kiến khác nếu có:

.....

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu này.

(Chi tiết khối lượng hoàn thành tại Phụ lục kèm theo Biên bản nghiệm thu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẶT HÀNG TUẦN,
 GÁC, TRỰC GIẢI QUYẾT TRỞ NGẠI**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN NHẬN ĐẶT HÀNG
 TUẦN, GÁC, TRỰC GIẢI QUYẾT TRỞ NGẠI**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN GIÁM SÁT
 TUẦN, GÁC, TRỰC GIẢI QUYẾT TRỞ NGẠI**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- (1) Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có.
- (2) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

4. Mẫu số 04 Biên bản nghiệm thu giám sát bảo dưỡng công trình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU NHIỆM VỤ GIÁM SÁT BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH

1. Đối tượng nghiệm thu: Nhiệm vụ giám sát bảo dưỡng công trình

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện cơ quan đặt hàng: Cục Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

- Ông chức vụ:

- Ông chức vụ:

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu:

- Kết thúc

- Tại:.....

4. Đánh giá nhiệm vụ đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường đường sắt được phê duyệt;

- Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt được phê duyệt;

- Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công giám sát bảo dưỡng công trình;

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công giám sát bảo dưỡng công trình của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Các tài liệu khác có liên quan...

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công giám sát bảo dưỡng công trình:

(Đối chiếu với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và hợp đồng đặt hàng để nhận xét, đánh giá khối lượng, chất lượng, tiến độ của từng nhiệm vụ).

c) Các ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....

5. Kết luận:

a) Chấp nhận nghiệm thu / không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ giám sát bảo dưỡng công trình.

.....

b) Yêu cầu bổ sung và các ý kiến khác nếu có:

.....

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu này.

(Chi tiết khối lượng hoàn thành tại Phụ lục kèm theo Biên bản nghiệm thu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẶT HÀNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN NHẬN ĐẶT HÀNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hồ sơ nghiệm thu gồm:

(1) Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có.

(2) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

PHỤ LỤC 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày /11/2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu số 01: Báo cáo định kỳ do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, 20 công ty cổ phần đường sắt và thông tin tín hiệu đường sắt thực hiện

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ,
BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT**

(Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / năm...)

Kính gửi: Cục Đường sắt Việt Nam

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)

2. Đề xuất, kiến nghị:

a) Đề xuất:

.....
.....

b) Kiến nghị:

.....
.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN NHẬN ĐẶT HÀNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Mẫu số 02: Báo cáo định kỳ do Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

(Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / năm...)

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)
1	Nhiệm vụ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt						
2	Nhiệm vụ bảo dưỡng công trình đường sắt						
3	Nhiệm vụ tuần cầu, tuần hầm, tuần đường, gác hầm, gác đường ngang, gác cầu chung, gác điếm xung yếu (nếu có), trực giải quyết trở ngại thông tin tín hiệu						
4	Nhiệm vụ sửa chữa công trình đường sắt						
5	Nhiệm vụ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt						
6	Nhiệm vụ giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt						
7	Nhiệm vụ quản lý hợp đồng đặt hàng						

	cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (nếu có)						
8	Nhiệm vụ quan trắc công trình, kiểm định chất lượng công trình, đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình						
9	Các nhiệm vụ khác: Lập, điều chỉnh quy trình bảo trì; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; các công tác khác được phép sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động kinh tế đường sắt để thực hiện						

2. Đề xuất, kiến nghị:

a) Đề xuất:

.....

b) Kiến nghị:

.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)